TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN H** **TỈNH KIÊN G** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: 34/2018/DSST Ngày 18/9/2018 V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN H, TỈNH KIÊN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Văn Thành Nhiều**

Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Danh Vũ** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H tham gia phiên toà:* không tham gia.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLST-DS ngày 08/01/2018 về vụ kiện "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-DS ngày 20/8/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST – DS ngày 07/9/2018 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị H**, sinh năm: 1972 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số nhà 26, Tổ 07, ấp Tân A, xã Tân Hiệp B, huyện Tân H, tỉnh Kiên G

***** *Bị đơn:* Anh **Phạm Minh H1,** sinh năm 1970 (*vắng mặt*)

(vợ) Chị **Nguyễn Thị Kim M,** sinh năm 1971 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số nhà 85, Tổ 02, ấp Đông B, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:***

Trước đây chị H có bán gạo và thức ăn gia súc cho vợ chồng anh H1 chị M, tính đến ngày 09/3/2014 vợ chồng anh H1 chị M còn nợ của chị H số tiền là 38.190.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1,2%/tháng, anh H1 có viết biên nhận cho chị H, sau khi viết biên nhận thì vợ chồng anh H1 chị M không trả tiền, chị H có đến đòi thì anh H1

chị M trả cho chị Hnhiều lần, tính đến ngày 22/9/2015 anh H1 chị M trả cho chị H được tổng cộng số tiền là 9.500.000 đồng, khi trả tiền lúc thì anh H1 trả, lúc thì chị M trả, mỗi lần trả thì anh H1 chị M có viết số tiền trả vào sổ cho chị H, ngày 04/12/2015 anh H1 tiếp tục viết biên nhận và xin trả dần cho chị H mỗi tháng là 1.500.000 đồng, chị H cũng đồng ý để anh H1 chị M trả dần nhưng anh H1 chị M không thực hiện lời hứa.

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H1 chị M trả cho chị số tiền còn nợ là 28.690.000 đồng (*Hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*) không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả đủ một lần.

Đối với bị đơn vợ chồng anh Phạm Minh H1 chị Nguyễn Thị Kim M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vợ chồng anh H1 chị M không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: vợ chồng anh Phạm Minh H1 chị Nguyễn Thị Kim M1với tư cách là bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vợ chồng anh H1 chị M vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Lê Thị H và vợ chồng anh Phạm Minh H1 chị Nguyễn Thị Kim M là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*" theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, chị H chỉ yêu cầu vợ chồng anh H1 chị M trả số tiền còn nợ là 28.690.000 đồng (*Hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*) không yêu cầu tính lãi. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện và Tòa án chỉ thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền thay đổi yêu cầu của mình. Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận việc thay đội nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H.

[4] Xét yêu cầu của chị H yêu cầu vợ chồng anh H1 chị M trả số tiền còn nợ là 28.690.000 đồng (*Hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị H đã cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ do anh H1 viết và ký tên, các giấy tờ khi anh H1 chị M trả tiền và viết cho chị H, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H xác nhận biên nhận và giấy trả tiền do chính anh H1, chị M viết và ký tên. Sau khi viết biên nhận thì anh H1 chị M có trả tiền cho chị nhiều lần được tổng cộng là 9.500.000 đồng và hẹn hàng tháng trả 1.500.000 đồng, nhưng anh H1 chị M không thực hiện nên chị H yêu cầu vợ chồng anh H1 chị M có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền còn nợ. Xét thấy nội dung yêu cầu của chị H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phía vợ chồng anh H1 chị M, trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập hợp lệ nhưng anh H1 chị M không tham dự và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do chị H cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 buộc vợ chồng anh H1 chị M có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền là 28.690.000 đồng (*Hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

Chị H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 28.690.000 đồng (*Hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*)

Án phí tính như sau: 28.690.000 đồng x 5% = 1.434.500 đồng (*Một triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm đồng*).

- Yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí 954.000đ (*Chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007738 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

- Buộc vợ chồng anh H chị M phải nộp1.434.500 đồng (*Một triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 351, 430, 440 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

2. Buộc vợ chồng anh Phạm Minh H1, chị Nguyễn Thị Kim M trả cho chị Lê Thị H số tiền là 28.690.000 đồng (*Hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Hoàn trả lại cho chị Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí 954.000đ (*Chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007738 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

- Buộc vợ chồng anh Phạm Minh H1 chị Nguyễn Thị Kim M phải nộp nộp 1.434.500 đồng (*Một triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với vợ chồng anh Phạm Minh H1 chị Nguyễn Thị Kim M có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên G;*
- *VKS nhân dân huyện Tân H;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THA huyện Tân H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Ngọc Ái